

- Số: 114/KQTN/2022/23** **PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM** 08/12/2022
- Đơn vị yêu cầu** : TỔNG CÔNG TY KHÍ VIỆT NAM – CÔNG TY CỔ PHẦN
 - Địa điểm lấy mẫu** : TÒA NHÀ PV GAS TOWER
 - Địa chỉ** : Số 673 đường Nguyễn Hữu Thọ, xã Phước Kiển, huyện Nhà Bè, Tp. HCM
 - Ngày lấy mẫu** : 01/12/2022 **Thời gian thử nghiệm:** 01/12 – 06/12/2022
 - Người lấy mẫu** : Trần Văn Quận, Bùi Trọng Nhân
 - Điều kiện lấy mẫu** : Trời nắng, gió nhẹ
 - Loại mẫu** : Khí thải
 - Kết quả đo đạc, phân tích** :

Vị trí đo	Tiếng ồn (dBA)
Khu vực máy phát điện	76,3
Khu vực bếp ăn	73,5
QCVN 24:2016/BYT	≤ 85
Phương pháp đo đạc, lấy mẫu, phân tích	TCVN 7878-2:2010

Vị trí đo	CO ₂ (%)	Bụi (mg/Nm ³)	NO _x (mg/Nm ³)	SO ₂ (mg/Nm ³)	CO (mg/Nm ³)
Khí thải máy phát điện	16,1	78,5	95,2	33,4	205,8
Khí thải ống khói thải bếp ăn	17,3	7,7	KPH	KPH	41,5
QCVN 19 :2009/BTNMT, Cột B (C _{max} = C x K _p x K _v)	-	≤ 160	≤ 680	≤ 400	≤ 800
Phương pháp đo đạc, lấy mẫu, phân tích	HD-KT CO ₂	US EPA Method 5*	HDCV.04	HDCV.04	HDCV.04

Ghi chú: Kết quả đo đạc và phân tích có giá trị trên mẫu thử và tại thời điểm đo

- (*) Phương pháp sử dụng nhà thầu phụ Vimcerts 117
- QCVN 24:2016/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn – mức tiếp xúc cho phép tiếng ồn tại nơi làm việc
- QCVN 19:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc Gia về khí thải Công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ

C_{max}: nồng độ tối đa cho phép của bụi và các chất vô cơ trong khí thải công nghiệp tính bằng miligam trên mét khối khí chuẩn (mg/Nm³).

C: nồng độ bụi và các chất vô cơ qui định ở mục 2.2 QCVN 19:2009/BTNMT

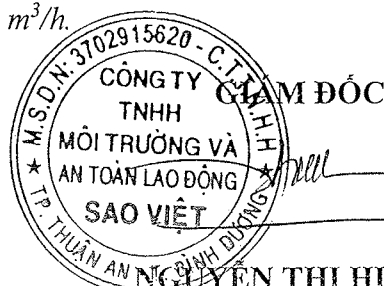
KV=01,8: hệ số vùng, ngoại thành đô thị loại đặc biệt.

KP=1: hệ số lưu lượng nguồn thải P≤20.000 m³/h.

PHÒNG THỬ NGHIỆM



TRẦN THỊ THỦY NHUNG



NGUYỄN THỊ HUYỀN

- Số: 114/KQTN/2022/23** **PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM** 08/12/2022
- 1 Đơn vị yêu cầu** : TỔNG CÔNG TY KHÍ VIỆT NAM – CÔNG TY CỔ PHẦN
- 2 Địa điểm lấy mẫu** : TÒA NHÀ PV GAS TOWER
- 3 Địa chỉ** : Số 673 đường Nguyễn Hữu Thọ, xã Phước Kiển, huyện Nhà Bè, Tp. HCM
- 4 Ngày lấy mẫu** : 01/12/2022 **Thời gian thử nghiệm:** 01/12 – 06/12/2022
- 5 Người lấy** : Trần Văn Quận, Bùi Trọng Nhân
- 6 Điều kiện lấy mẫu** : Trời nắng, gió nhẹ
- 7 Loại mẫu** : Nước thải
- 8 Ký hiệu và mô tả mẫu** : NT01: Nước thải trước HTXLNT
NT02: Nước thải sau HTXLNT
- 9 Phương pháp lấy mẫu và bảo quản mẫu** : TCVN 6663-1:2011 – Chất lượng nước. Lấy mẫu. Phần 1: Hướng dẫn lập chương trình lấy mẫu và kỹ thuật lấy mẫu.
TCVN 5999: 1995 – Chất lượng nước. Lấy mẫu. Hướng dẫn lấy mẫu nước thải
TCVN 6663-3: 2008 – Chất lượng nước. Hướng dẫn bảo quản và xử lý mẫu.

10 Kết quả đo đạc, phân tích :

Stt	Thông số	Đơn vị	Kết quả		QCVN 14:2008/ BTNMT	Phương pháp đo đạc, phân tích
			NT01	NT02		
1.	Tổng chất rắn hòa tan (TDS)	mg/L	895	236	1.000	HDCV.01
2.	pH	-	6,16	7,28	5,5 – 9	TCVN 6492:2011
3.	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/L	31	23	100	TCVN 6625:2000
4.	Nhu cầu oxy sinh hóa (BOD ₅)	mg/L	65	39	50	TCVN 6001-1:2008
5.	Amoni (NH ₄ ⁺ _N)	mg/L	6,25	3,78	10	TCVN 6179 – 1:1996
6.	Nitrat (NO ₃ ⁻ _N)	mg/L	21,7	18,2	50	SMEWW 4500-NO ₃ ⁻ .E:2017
7.	Phosphat (PO ₄ ³⁻ _P)	mg/L	5,94	3,78	10	SMEWW 4500-P.D:2017
8.	Sulfua (S ²⁻)	mg/L	0,85	0,66	4	SMEWW 4500-S ²⁻ .B&D:2017
9.	Dầu mỡ động thực vật	mg/L	0,9	0,5	20	SMEWW 5520B&F:2017
10.	Chất hoạt động bề mặt	mg/L	KPH MDL=0,03	KPH MDL=0,03	10	SMEWW 5540 B&D:2017*
11.	Tổng Coliform	MPN /100mL	64x10 ²	14x10 ²	5.000	TCVN 6187-2:1996

Ghi chú: Kết quả đo đạc và phân tích có giá trị trên mẫu thử và tại thời điểm đo

- (*) Phương pháp sử dụng nhà thầu phụ Vimcerts 117
- QCVN 14:2008/ BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc Gia về nước thải sinh hoạt.
Cột B quy định giá trị C của các thông số ô nhiễm nước thải sinh hoạt khi xả vào nguồn nước không dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt.
- KPH: Không phát hiện MDL: Ngưỡng phát hiện

PHÒNG THỬ NGHIỆM

TRẦN THỊ THÙY NHUNG

NGUYỄN THỊ HUYỀN

Sứ mệnh của bạn - Uy tín của chúng tôi